

Bản án số: 429/2019/DS-ST
Ngày 13-11-2019
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Bảo Hồng

2. Bà Đặng Thu Vân

- Thư ký phiên tòa: Ông Dương Quốc Thái – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Phan Xuân Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 353/2017/TLST-DS ngày 02 tháng 11 năm 2017 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 157/2019/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 109/2019/QĐST-DS ngày 23 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trương Mỹ Tố N, sinh năm 1977; địa chỉ: 491A/16 L, Phường 12, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Minh H, sinh năm 1974; địa chỉ: 62-64 T, Phường 1, thành phố V, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu; là người đại diện theo ủy quyền (Hợp đồng ủy quyền lập ngày 02/6/2017 tại Văn phòng Công chứng Nguyễn Cảnh). (có mặt)

2. *Bị đơn:* Công ty TNHH Thương mại - Xây dựng V; địa chỉ trụ sở: 312-314 T, Phường 13, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1962; chức vụ: Giám đốc Công ty, là người đại diện theo pháp luật của Công ty (vắng mặt).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Nguyễn Minh H, sinh năm 1974; địa chỉ: 62-64 T, Phường 1, thành phố V, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện đề ngày 11 tháng 5 năm 2017 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Bà Trương Mỹ Tố N cùng người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ngày 01/01/2011, Bà Trương Mỹ Tố N có cho Công ty TNHH Thương mại - Xây dựng V (gọi tắt là Công ty V) vay tiền để sử dụng vào mục đích đầu tư xây dựng Dự án Chung cư V tại địa chỉ 339 B, Phường 5, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh, theo Hợp đồng vay tiền ngày 01/01/2011 và nội dung Biên bản họp Hội đồng thành viên Công ty TNHH Thương mại - Xây dựng V ngày 01/01/2011, với nội dung cụ thể như sau:

- Số tiền vay: 8.700.000.000 (tám tỷ bảy trăm triệu) đồng
- Thời hạn vay là 12 (mười hai) tháng, tính từ ngày 01/01/2011 đến 31/12/2011.
- Lãi suất vay là 5%/tháng.
- Việc vay tiền không có tài sản thế chấp và việc giao nhận tiền do hai bên tự thực hiện và tự chịu trách nhiệm; bên vay được quyền trả trước thời hạn.

Do đến hạn trả nợ vay theo hợp đồng ngày 01/01/2011, phía Công ty V chưa thể thanh toán được các khoản nợ gốc, lãi nào cho bà N nên vào ngày 30/12/2011, hai bên ký Biên bản làm việc xác nhận việc Công ty V còn nợ bà N số tiền 8.700.000.000 (tám tỷ bảy trăm triệu) đồng. Đồng thời, Công ty V cam kết sẽ thanh toán các khoản nợ gốc và lãi cho bà N chậm nhất là ngày 31/12/2012. Tuy nhiên, đã quá hạn cam kết (ngày 31/12/2012) nhưng phía bị đơn Công ty V vẫn chưa trả số tiền nợ đã vay như cam kết. Bà N đã nhiều lần liên hệ Công ty V để yêu cầu trả nợ nhưng không liên lạc được, phía Công ty V không có thiện chí trả nợ. Nay bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn Công ty TNHH Thương mại - Xây dựng V hoàn trả cho bà N số tiền gốc đã vay là 8.700.000.000 (tám tỷ bảy trăm triệu) đồng và số tiền lãi phát sinh theo lãi suất 5%/năm, tạm tính từ ngày 01/01/2011 đến ngày 31/12/2016 là 2.610.000.000 đồng.

Tại Bản tự khai ngày 11/5/2018 và tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ông Nguyễn Minh H trình bày: Ông là chồng của Bà Trương Mỹ Tố N. Ngày 01/01/2011, bà N có cho Công ty TNHH Thương mại - Xây dựng V vay số tiền 8.700.000.000 đồng theo Hợp đồng vay tiền ngày 01/01/2011, ông xác định số tiền mà bà N cho Công ty TNHH Thương Mại – Xây dựng V vay nêu trên là tiền riêng của bà N và ông không tranh chấp gì liên quan đến số tiền này. Ông H thống nhất và đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà N.

Bị đơn Công ty TNHH Thương Mại – Xây dựng V đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án và đã nhiều lần triệu tập hợp lệ nhưng người đại diện hợp pháp của bị đơn không có mặt nên Tòa án không lấy được lời khai và không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn xác định giữ nguyên yêu cầu như trong đơn khởi kiện và bổ sung yêu cầu tính lãi đến ngày 01/01/2019. Cụ thể, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ gốc là 8.700.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh trên số tiền nợ gốc từ ngày 01/01/2011 đến ngày 01/01/2019 (08 năm), theo mức lãi suất 5%/năm, được tính như sau: $8.700.000.000 \text{ đồng} \times 5\%/\text{năm} \times 8 \text{ năm} = 3.480.000.000 \text{ đồng}$. Tổng số tiền gốc, lãi nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả là 12.180.000.000 đồng, trả một lần khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo quy định pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chấp hành tốt pháp luật tố tụng khi tham gia tố tụng dân sự; bị đơn chưa chấp hành tốt pháp luật tố tụng khi tham gia tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét Bà Trương Mỹ Tố N có đơn khởi kiện Công ty TNHH Thương mại – Xây dựng V yêu cầu trả tiền gốc và lãi theo Hợp đồng vay tiền ngày 01/01/2011 và Biên bản làm việc, xác nhận nợ ngày 30/12/2011, đây là vụ án dân sự về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”; do bị đơn Công ty TNHH Thương mại – Xây dựng V có trụ sở tại Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh; căn cứ các điều 26, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Bị đơn là Công ty TNHH Thương Mại – Xây dựng V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa mà người đại diện hợp pháp của bị đơn vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng, trở ngại khách quan. Đồng thời, để đảm bảo cho bị đơn được biết các thông tin liên quan đến việc giải quyết vụ án, căn cứ Điều 180 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án đã ra quyết định đăng công khai các thông tin về ngày, giờ và địa điểm xét xử vụ án trên phương tiện thông tin đại chúng. Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Trong quá trình giải quyết vụ án đến trước khi Tòa án sơ thẩm ra bản án, nguyên đơn là Bà Trương Mỹ Tố N; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ông Nguyễn Minh H không có yêu cầu Tòa án áp dụng thời hiệu trong vụ kiện này; bị đơn Công ty TNHH Thương Mại – Xây dựng V đã được Tòa án tổng đạt thông báo

thụ lý vụ án, quá trình giải quyết đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt và không có ý kiến bằng văn bản về việc áp dụng thời hiệu. Do không có đương sự yêu cầu áp dụng thời hiệu nên căn cứ Điều 184 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử không xem xét về thời hiệu khởi kiện trong vụ án này.

[4] Xét Hợp đồng vay tiền ngày 01/01/2011 và Biên bản làm việc về việc xác nhận nợ ngày 30/12/2011 được ký giữa Bà Trương Mỹ Tố N và Công ty TNHH Thương Mại – Xây dựng V (do Ông Nguyễn Văn M, chức vụ Giám đốc Công ty đại diện ký kết), Hội đồng xét xử nhận thấy: Về hình thức, đây là Hợp đồng vay tài sản giữa Bà Trương Mỹ Tố N và Công ty TNHH Thương Mại – Xây dựng V, do Ông Nguyễn Văn M, chức vụ Giám đốc Công ty đại diện ký kết và đóng dấu công ty. Về nội dung, đây là hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn và có lãi, cụ thể số tiền vay là 8.700.000.000 đồng, lãi suất vay 5%/tháng, thời hạn vay là 12 tháng từ ngày 01/01/2011 đến 31/12/2011, được thỏa thuận kéo dài đến 31/12/2012; các bên tham gia giao kết hợp đồng hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật. Tại thời điểm giao kết hợp đồng vay tiền với bà N, Ông Nguyễn Văn M là giám đốc công ty, người đại diện hợp pháp của bị đơn Công ty TNHH Thương Mại – Xây dựng V; việc giao kết này đã được sự thống nhất, đồng ý của thành viên còn lại trong công ty là ông Nguyễn Minh C, thể hiện tại Biên bản họp hội đồng thành viên ngày 01/01/2011. Như vậy, căn cứ Điều 93 của Bộ luật dân sự năm 2005 thì Công ty TNHH Thương Mại – Xây dựng V là pháp nhân phải chịu trách nhiệm dân sự về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ dân sự do người đại diện xác lập, thực hiện nhân danh pháp nhân.

[5] Xét yêu cầu của nguyên đơn: Bà N yêu cầu bị đơn Công ty TNHH Thương mại - Xây dựng V hoàn trả cho bà số tiền gốc đã vay là 8.700.000.000 đồng và số tiền lãi phát sinh theo hợp đồng với mức lãi suất 5%/năm, tính từ ngày 01/01/2011 đến ngày 01/01/2019. Hội đồng xét xử nhận thấy, sau khi hai bên ký hợp đồng vay tiền ngày 01/01/2011 thì ngày 30/12/2011 các bên tiếp tục ký kết Biên bản làm việc với nội dung Công ty TNHH Thương Mại – Xây dựng V xác nhận còn nợ bà N số tiền 8.700.000.000 đồng và cam kết sẽ thanh toán các khoản nợ gốc, lãi chậm nhất là ngày 31/12/2012. Tuy nhiên, đến thời điểm bà N khởi kiện ngày 11/5/2017, phía bị đơn chưa thanh toán một khoản tiền nợ gốc, lãi nào cho bà N. Việc bị đơn không thanh toán tiền nợ vay cho nguyên đơn theo thỏa thuận hợp đồng là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay; căn cứ các điều 471, 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005, Bà Trương Mỹ Tố N yêu cầu bị đơn hoàn trả số tiền nợ gốc 8.700.000.000 đồng là phù hợp quy định pháp luật, có căn cứ chấp nhận.

[6] Về yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất 5%/năm, Hội đồng xét xử nhận thấy, tại Điều 3 của Hợp đồng vay tiền, các bên thỏa thuận mức lãi suất là 5%/tháng, tuy nhiên tại Đơn khởi kiện và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chỉ yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất 5%/năm trên số tiền vay 8.700.000 đồng, từ thời điểm vay ngày 01/01/2011 đến ngày 01/01/2019 là 08 năm. Xét thấy việc xác định

mức lãi suất và thời gian tính lãi của nguyên đơn là sự tự nguyện và quyền tự định đoạt của nguyên đơn, không trái pháp luật, do đó có căn cứ chấp nhận.

- Khoản 2 Điều 305 của Bộ luật Dân sự năm 2005 quy định: *“Trong trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán, trừ trường hợp có thoả thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.”*

- Điều 476 của Bộ luật Dân sự năm 2005 quy định:

“1. Lãi suất vay do các bên thoả thuận nhưng không được vượt quá 150% của lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố đối với loại cho vay tương ứng.

2. Trong trường hợp các bên có thoả thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất hoặc có tranh chấp về lãi suất thì áp dụng lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời hạn vay tại thời điểm trả nợ.”

Hợp đồng vay tiền giữa các bên xác định kỳ hạn từ ngày 01/01/2011 đến 31/12/2012, việc bị đơn không trả lãi trong thời hạn vay (từ ngày 01/01/2011 đến 31/12/2012) và từ ngày 01/01/2013, không trả lại số tiền gốc đã vay nên cần xác định bên vay đã chậm thực hiện nghĩa vụ và phải trả lãi đối với số tiền chậm trả. Như vậy, căn cứ Điều 305 và Điều 476 của Bộ luật Dân sự năm 2005, yêu cầu tính lãi của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận. Số tiền lãi phát sinh trên số nợ gốc 8.700.000 đồng tính từ ngày 01/01/2011 đến ngày 01/01/2019, theo mức lãi suất 5%/năm, được tính như sau: $8.700.000 \text{ đồng} \times 5\%/\text{năm} \times 8 \text{ năm} = 3.480.000.000 \text{ đồng}$. Như vậy, số tiền lãi Công ty TNHH Thương mại - Xây dựng V phải trả cho bà N là 3.480.000.000 đồng.

[7] Xét thấy, tại thời điểm Bà Trương Mỹ Tố N ký giao kết hợp đồng với Công ty V thì người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ông Nguyễn Minh H là chồng của bà N, tuy nhiên Ông H xác định số tiền bà N cho Công ty V vay là tài sản riêng của bà N và không tranh chấp, không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét. Trường hợp Ông H và bà N có tranh chấp liên quan đến số tiền nói trên thì được quyền khởi kiện để giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

[8] Quan điểm, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh phù hợp quy định pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[9] Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn Công ty TNHH Thương Mại – Xây dựng V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với khoản tiền phải trả cho nguyên đơn; nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 26, 35, 39, 147, 180, 184, 227, 228, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 93, 305, 471, 474 và Điều 476 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ vào Điều 357, Điều 468 và Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của Bà Trương Mỹ Tố N.

Buộc Công ty TNHH Thương Mại – Xây dựng V trả cho Bà Trương Mỹ Tố N số tiền nợ gốc là 8.700.000.000 đồng và tiền lãi là 3.480.000.000 đồng. Tổng số tiền phải trả là 12.180.000.000 (mười hai tỷ một trăm tám mươi triệu) đồng, trả một lần khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Công ty TNHH Thương Mại – Xây dựng V phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 120.180.000 đồng.

Bà Trương Mỹ Tố N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả cho Bà Trương Mỹ Tố N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 59.655.000 đồng theo biên lai số 0013453 ngày 23/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.8;
- Chi cục THADS Q.8;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Văn Thanh